

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| MỞ ĐẦU | 8 |
| CHƯƠNG I: CƠ CẤU KINH TẾ VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA THỊ TRƯỜNG HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ THẾ GIỚI | 11 |
| I. CƠ CẤU KINH TẾ VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU | 11 |
| 1. Khái niệm và các quan niệm về cơ cấu kinh tế | 11 |
| 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu kinh tế | 14 |
| 3. Một số mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ưu điểm và hạn chế..... | 16 |
| 4. Vai trò của cơ cấu kinh tế đối với phát triển xuất khẩu | 21 |
| II. ĐẶC ĐIỂM VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA THỊ TRƯỜNG HÀNG HOÁ THẾ GIỚI | 23 |
| 1. Những giai đoạn phát triển và đặc điểm của thị trường hàng hoá và dịch vụ thế giới. | 23 |
| 2. Xu hướng chuyển dịch thị trường hàng hoá và dịch vụ thế giới..... | 31 |
| III. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRONG VIỆC LỰA CHỌN CƠ CẤU KINH TẾ NHẪM ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU | 41 |
| 1. Kinh nghiệm của các nước Đông Nam Á | 41 |
| 2. Kinh nghiệm của Trung Quốc..... | 44 |
| 3. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam..... | 49 |
| CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM THỜI KỲ 1991 - 2003 | 52 |
| I. THỰC TRẠNG QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÀ CƠ CẤU XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM THỜI KỲ 1991 - 2003 | 52 |
| 1. Khái quát quá trình chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế Việt Nam thời kỳ 1991-2003..... | 52 |

| | |
|---|------------|
| 2. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp..... | 54 |
| 3. Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp..... | 56 |
| 4. Chuyển dịch cơ cấu lĩnh vực dịch vụ..... | 58 |
| II. THỰC TRẠNG QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU XUẤT KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ CỦA VIỆT NAM THỜI KỲ 1991 - 2003 | 60 |
| 1. Kết quả xuất khẩu..... | 60 |
| 2. Chuyển dịch cơ cấu hàng hoá xuất khẩu | 61 |
| 3. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu dịch vụ..... | 72 |
| 4. Cơ cấu thị trường xuất khẩu | 73 |
| 5. Chuyển dịch cơ cấu đầu tư | 76 |
| 6. Chuyển dịch cơ cấu các thành phần kinh tế | 80 |
| 7. Một số chính sách ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam thời kỳ 1991 - 2002 | 82 |
| III. NHỮNG HẠN CHẾ CỦA CƠ CẤU KINH TẾ VIỆT NAM HIỆN NAY ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU | 88 |
| 1. Những hạn chế chủ yếu | 88 |
| 2. Nguyên nhân của những hạn chế..... | 98 |
| CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NHẪM PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM | 103 |
| I. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ MÔ HÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ HƯỚNG VÀO XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2010 | 103 |
| 1. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế hướng về xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2010..... | 103 |
| 2. Quan điểm, định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm phát triển xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2010..... | 108 |
| 3. Mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành đến năm 2010 và tầm nhìn đến 2020 | 114 |

| | |
|---|------------|
| II. CÁC GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NHẪM PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2010..... | 116 |
| 1. Hoàn thiện chính sách đầu tư..... | 116 |
| 2. Chính sách thương mại..... | 120 |
| 3. Chính sách tài chính..... | 123 |
| 4. Phát triển khoa học và công nghệ..... | 124 |
| 5. Phát triển kết cấu hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ cho xuất khẩu..... | 127 |
| 6. Chính sách đối với các thành phần kinh tế..... | 127 |
| 7. Chính sách phát triển nguồn nhân lực..... | 129 |
| 8. Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế..... | 131 |
| KẾT LUẬN..... | 132 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 134 |

Khung

| | |
|--|----|
| Khung 1: “Chương trình một triệu tấn đường sẽ đi về đâu”?..... | 77 |
| Khung 2: Một nhà máy lọc dầu đáng giá bao nhiêu?..... | 78 |
| Khung 3: Nguy cơ loạn thép..... | 94 |

Bảng

| | |
|--|----|
| Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng GDP và tỷ lệ xuất khẩu/GDP của các nước/vùng lãnh thổ theo các chiến lược phát triển khác nhau..... | 20 |
| Bảng 2: Thương mại hàng hoá toàn cầu 1950 - 2001..... | 32 |
| Bảng 3: Tăng trưởng thương mại và tăng trưởng sản xuất hàng hoá..... | 32 |
| Bảng 4: Tỷ trọng các nhóm hàng trong tổng thương mại hàng hoá..... | 33 |
| Bảng 5: Tỷ trọng các ngành trong tổng thương mại dịch vụ toàn cầu..... | 34 |

| | |
|---|-----------|
| Bảng 6: Tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến trong tổng kim ngạch xuất khẩu của một số nước/nền kinh tế đang phát triển | 41 |
| Bảng 7: Thay đổi cơ cấu xuất khẩu của NIEs thế hệ II | 42 |
| Bảng 8: Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu GDP theo ngành kinh tế | 53 |
| Bảng 9: Cơ cấu trong nông nghiệp thời kỳ 1991-2002..... | 56 |
| Bảng 10: Tỷ trọng các ngành công nghiệp trong tổng GDP công nghiệp | 57 |
| Bảng 11: Kim ngạch xuất nhập khẩu thời kỳ 1991 - 2003 của Việt Nam | 61 |
| Bảng 12: Cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam thời kỳ 1991 - 2003 | 62 |
| Bảng 13: Trị giá hàng hoá xuất khẩu năm 1991 - 2003 phân loại theo SITC..... | 64 |
| Bảng 14: Tỷ lệ doanh nghiệp của một số nước ASEAN phân theo tiêu chuẩn công nghệ của UNIDO | 66 |
| Bảng 15: Sự thay đổi cơ cấu xuất khẩu sản phẩm chế biến thời kỳ 1985 - 2000..... | 67 |
| Bảng 16: Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp nặng thời kỳ 1995-2003..... | 69 |
| Bảng 17: Tỷ trọng xuất khẩu hàng dệt may, giày da trong tổng xuất khẩu hàng công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp thời kỳ 1995-2003 | 70 |
| Bảng 18: Tỷ phần mậu dịch dịch vụ thương mại các nước ASEAN, 1985 và 1997 | 72 |
| Bảng 19: Xuất khẩu dịch vụ Việt Nam thời kỳ 1999-2002 | 73 |
| Bảng 20: Tỷ lệ phân bố xuất khẩu của Việt Nam năm 1995 - 2002 | 74 |
| Bảng 21: Vốn đầu tư phát triển phân theo thành phần kinh tế | 76 |
| Bảng 22: Những doanh nghiệp mới đăng ký | 80 |
| Bảng 23: Tăng trưởng công nghiệp của các khu vực kinh tế..... | 81 |
| Bảng 24: Tỷ lệ đóng góp của thành phần kinh tế trong tổng kim ngạch xuất khẩu | 82 |
| Bảng 25: Tốc độ tăng trưởng của các sản phẩm công nghiệp chủ yếu..... | 93 |

Đồ thị

- Đồ thị 1: Cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam theo cách tính của Tổng cục thống kê 62**
- Đồ thị 2: Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo mức độ chế biến 65**
- Đồ thị 3: Cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam thời kỳ 1995-2003: một cách nhìn mới 71**

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| | |
|--------|--|
| AFTA | Khu vực mậu dịch tự do ASEAN |
| ASEAN | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á |
| BOT | Xây dựng, kinh doanh và chuyển giao |
| CNTT | Công nghệ thông tin |
| DNNN | Doanh nghiệp nhà nước |
| EU | Liên minh châu Âu |
| FDI | Đầu tư trực tiếp nước ngoài |
| FTC | Công ty ngoại thương nước ngoài |
| GATS | Hiệp định chung về thương mại dịch vụ |
| GATT | Hiệp định chung về thuế quan và thương mại |
| GDP | Tổng sản phẩm quốc nội |
| GNP | Tổng sản phẩm quốc gia |
| ICOR | Hiệu suất vốn đầu tư |
| KHCN | Khoa học công nghệ |
| NHTMQD | Ngân hàng thương mại quốc doanh |
| NIEs | Các nền kinh tế công nghiệp hoá mới |
| NSNN | Ngân sách nhà nước |
| R&D | Nghiên cứu và phát triển |
| SITC | Bảng phân loại thương mại quốc tế chuẩn |
| SMEs | Doanh nghiệp vừa và nhỏ |
| SOE | Doanh nghiệp nhà nước |
| TRIM | Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại |
| TVE | Xí nghiệp hương trấn |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| WTO | Tổ chức thương mại thế giới |